

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**BỘ TÀI NGUYÊN
VÀ MÔI TRƯỜNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 24/2013/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày 03 tháng 9 năm 2013

THÔNG TƯ**Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật đo trọng lực chi tiết**

Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam, Viện trưởng Viện Khoa học Đo đạc và Bản đồ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư định mức kinh tế - kỹ thuật đo trọng lực chi tiết.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này định mức kinh tế - kỹ thuật đo trọng lực chi tiết.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 10 năm 2013.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam, Viện Khoa học Đo đạc và Bản đồ, các đơn vị thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG****Nguyễn Linh Ngọc**

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT ĐO TRỌNG LỰC CHI TIẾT

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2013/TT-BTNMT ngày 03 tháng 9 năm 2013
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

Phần I QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Định mức kinh tế - kỹ thuật đo trọng lực chi tiết được áp dụng cho các công việc sau:

- 1.1. Trọng lực diêm tựa (tương đương trọng lực hạng III cũ);
- 1.2. Trọng lực chi tiết trên mặt đất;
- 1.3. Trọng lực chi tiết trên biển đo bằng tàu biển.

2. Đối tượng áp dụng

Định mức kinh tế - kỹ thuật đo trọng lực chi tiết áp dụng đối với tổ chức, cá nhân thực hiện các nhiệm vụ, đề án, dự án sản xuất về lĩnh vực đo trọng lực trên mặt đất, trên biển.

3. Định mức thành phần

3.1. Định mức lao động công nghệ

Định mức lao động công nghệ (sau đây gọi tắt là định mức lao động) là thời gian lao động trực tiếp cần thiết để sản xuất ra một sản phẩm (thực hiện một bước công việc). Nội dung của định mức lao động bao gồm:

a) Nội dung công việc: liệt kê các thao tác cơ bản, thao tác chính để thực hiện bước công việc;

b) Phân loại khó khăn: nêu các yếu tố cơ bản gây ảnh hưởng đến việc thực hiện bước công việc;

c) Định biên: quy định số lượng lao động và cấp bậc kỹ thuật cần thiết để thực hiện bước công việc;

d) Định mức: quy định thời gian lao động trực tiếp sản xuất một sản phẩm. Đơn vị tính là công cá nhân hoặc công nhóm/đơn vị sản phẩm.

- Ngày công (ca) trên mặt đất tính bằng 8 giờ làm việc. Ngày công trên biển tính bằng 6 giờ làm việc.

- Các mức ngoại nghiệp thể hiện dưới dạng phân số, trong đó:

+ Tử số là mức lao động kỹ thuật (tính theo công nhóm, công cá nhân);

+ Mẫu số là mức lao động phổ thông, tính theo công cá nhân. Lao động phổ thông là người lao động được thuê để thực hiện các công việc đơn giản như vận chuyển các thiết bị, vật liệu, liên hệ, dẫn đường, bảo vệ, phục vụ đo đạc, đào mố, rửa vật liệu.

- Mức lao động kỹ thuật ngoại nghiệp khi phải tạm dừng, nghỉ việc do thời tiết được tính theo hệ số quy định trong bảng sau:

TT	Vùng tính hệ số	Hệ số
1	Trên mặt đất	0,25
2	Trên biển	
2.1	Từ Quảng Ninh đến Ninh Bình	0,60
2.2	Từ Thanh Hóa đến Bình Thuận	0,55
2.3	Từ Bà Rịa - Vũng Tàu đến Kiên Giang	0,50
2.4	Vùng biển cách bờ từ 100 km của tất cả các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đến giáp các khu vực quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa	0,80
2.5	Khu vực Hoàng Sa, Trường Sa	1,00

3.2. Định mức dụng cụ

a) Định mức sử dụng dụng cụ là số ca (thời gian) người lao động trực tiếp sử dụng dụng cụ cần thiết để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm;

b) Thời hạn sử dụng dụng cụ là thời gian dự kiến sử dụng dụng cụ vào hoạt động sản xuất trong điều kiện bình thường, phù hợp với các thông số kinh tế - kỹ thuật của dụng cụ. Xác định thời hạn sử dụng dụng cụ bằng phương pháp thống kê, kinh nghiệm. Đơn vị tính của thời hạn sử dụng dụng cụ là tháng;

c) Mức cho các dụng cụ có giá trị thấp chưa được quy định trong các bảng định mức dụng cụ được tính bằng 5% mức dụng cụ trong bảng tương ứng.

3.3. Định mức thiết bị

a) Định mức sử dụng thiết bị là số ca (thời gian) người lao động trực tiếp sử dụng thiết bị cần thiết để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm;

b) Thời hạn sử dụng thiết bị theo quy định tại Thông tư liên tịch của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán kinh phí đo đạc bản đồ và quản lý đất đai.

3.4. Định mức vật liệu

a) Định mức sử dụng vật liệu là số lượng vật liệu cần thiết để sản xuất ra một sản phẩm;

b) Mức cho các vật liệu có giá trị thấp chưa được quy định trong các bảng định mức vật liệu được tính bằng 8% mức vật liệu trong bảng tương ứng.

Riêng mức vật liệu cho công việc đổ mốc, xây tường vây, ngoài mức này, được tính thêm 5% hao hụt vật liệu do vận chuyển khi thi công.

3.5. Quy định các chữ viết tắt trong định mức kinh tế - kỹ thuật:

TT	Cụm từ	Chữ viết tắt
1	Bảo hộ lao động	BHLĐ
2	Đơn vị tính	ĐVT
3	Lái xe bậc 3	LX3
4	Kinh tế - Kỹ thuật	KT-KT
5	Khó khăn loại 1; khó khăn loại 2; khó khăn loại 3; khó khăn loại 4	KK1; KK2; KK3; KK4
6	Kỹ thuật viên bậc 3; kỹ thuật viên bậc 6	KTV3; KTV6
7	Kỹ sư bậc 1; kỹ sư bậc 2; kỹ sư bậc 3; kỹ sư bậc 4	KS1; KS2; KS3; KS4
8	Thứ tự	TT

Phần II ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

Chương I TRỌNG LỰC ĐIỂM TỰA

1. Xác định tọa độ và độ cao điểm tựa trọng lực bằng công nghệ GPS

Định mức cho công việc xác định tọa độ và độ cao điểm tựa trọng lực bằng công nghệ GPS được áp dụng theo định mức quy định về xây dựng lưới tọa độ hạng III tại Định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc bản đồ ban hành kèm theo Thông tư số 20/2012/TT-BTNMT ngày 19 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường với các hệ số áp dụng cho tiếp điểm là 1,00, đo ngắm là 0,75, tính toán bình sai là 0,80.

2. Kiểm nghiệm máy đo trọng lực điểm tựa

Định mức cho công việc kiểm nghiệm máy đo trọng lực điểm tựa áp dụng theo định mức quy định cho công việc kiểm nghiệm máy đo trọng lực quốc gia tại Định mức kinh tế - kỹ thuật lưới trọng lực quốc gia ban hành theo Thông tư số 09/2010/TT-BTNMT ngày 01 tháng 7 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Tiếp điểm

3.1. Định mức lao động

3.1.1. Nội dung công việc

a) Nghiên cứu văn bản kỹ thuật; chuẩn bị tư liệu, tài liệu, vật tư, dụng cụ và phương tiện công tác;

b) Di chuyển (bằng ô tô) tới vị trí điểm;

c) Tìm điểm;

d) Kiểm tra, chỉnh lý ghi chú điểm;

đ) Phục vụ kiểm tra nghiệm thu.

3.1.2. Phân loại khó khăn

Loại 1: Vùng đồng bằng, dọc theo đường nhựa.

Loại 2: Vùng đồi thấp, vùng đồng bằng đường có nhiều ổ gà, đang bảo dưỡng. Vùng trung du đường rải đá. Vùng núi thấp đường nhựa, thị xã, thị trấn.

Loại 3: Vùng núi đèo dốc, đường quanh co và vùng rẻo cao.

Loại 4: Vùng biên giới và hải đảo đi lại khó khăn.

3.1.3. Định biên: nhóm 4 lao động, gồm 1 KTV3, 1 KTV4, 1 KS2 và 1 LX3

3.1.4. Định mức: công nhóm/điểm

Bảng 1

Công việc	KK1	KK2	KK3	KK4
Tiếp điểm	<u>0,40</u> 0,40	<u>0,48</u> 0,50	<u>0,58</u> 0,60	<u>0,69</u> 0,70

3.2. Định mức dụng cụ: ca/điểm

Bảng 2

TT	Danh mục dụng cụ	ĐVT	Thời hạn (tháng)	Mức
1	Áo rét BHLĐ	cái	18	0,93
2	Áo mưa bạt	cái	18	0,93
3	Ba lô	cái	18	1,86
4	Bi đông	cái	12	1,86
5	Găng tay bạt	đôi	6	1,00
6	Giày cao cổ	đôi	12	1,86
7	Mũ cứng	cái	12	1,86
8	Quần áo BHLĐ	bộ	9	1,86